三菱ふそうトラック・バス製

NF 三菱ふそう大型ノンステップバス

局番	車台形式	購入年月	配置営業所 H14.4	H15.3	H15.12	H16.4	H16.10	H17.1	H17.10	H18.1	H18.12	H19.12	H20.4	H20.12	H22.1	H22.4	H22.12	H23.3	H23.5	H24.3	H24.8	H25.3	H25.12	H26.4	H26.12	H27.4	H28.4	H28.8	H29.4	H30.1	H30.3	H31.3	R2.4	R3.4	R4.4	登録番号	車体	MT/AT	ISS	ABS	低公害	備考
NF-1	KC-MP747M改	H9 2-3	那古野					稲西						廃車																						7512	MBM	MT				
NF-2	KC-MP747M改	H9 2-3	那古野				御器所					大森		廃車																						7513	MBM	MT				
NF-3	KC-MP747M改	H9 2-3	那古野					稲西						大森	廃車																					7514	MBM	MT				
NF-4	KC-MP747M	H10 3		鳴尾					緑						廃車																					7704	MBM	MT	○			
NF-5	KC-MP747M	H10 3		鳴尾					緑						廃車																					7705	MBM	MT	○			
NF-6	KC-MP747M	H12 2-3							稲西												廃車															299	MBM	MT	○			
NF-7	KC-MP747M	H12 2-3							稲西												廃車															300	MBM	MT	○			
NF-8	KC-MP747M	H12 2-3							稲西												廃車															301	MBM	MT	○			
NF-9	KC-MP747M	H12 2-3	鳴尾						稲西												廃車															302	MBM	MT	○			
NF-10	KL-MP37JM改	H18 1				新製						中川									鳴尾									廃車						1594	MBM	AT			CNG	
NF-11	KL-MP37JM改	H18 1				新製						中川									鳴尾									廃車						1595	MBM	AT			CNG	
NF-12	KL-MP37JM改	H18 1				新製						中川									鳴尾									廃車						1603	MBM	AT			CNG	
NF-13	KL-MP37JM改	H18 1				新製						中川									鳴尾									廃車						1604	MBM	AT			CNG	
NF-14	KL-MP37JM改	H18 1				新製						中川									鳴尾									廃車						1605	MBM	AT			CNG	
NF-15	KL-MP37JM改	H18 1				新製						中川									鳴尾									廃車						1606	MBM	AT			CNG	
NF-16	KL-MP37JM改	H18 1				新製						中川									鳴尾									廃車						1607	MBM	AT			CNG	
NF-17	KL-MP37JM改	H18 1				新製						中川									鳴尾									廃車						1608	MBM	AT			CNG	
NF-18	KL-MP37JM改	H18 1				新製						中川									鳴尾									廃車						1609	MBM	AT			CNG	
NF-19	KL-MP37JM改	H18 1				新製						中川									鳴尾									廃車						1610	MBM	AT			CNG	
NF-20	KL-MP37JM改	H18 1				新製						中川									鳴尾									廃車						1611	MBM	AT			CNG	
NF-21	KL-MP37JM改	H18 1				新製						中川									鳴尾									廃車						1612	MBM	AT			CNG	
NF-22	KL-MP37JM改	H18 1				新製						中川									鳴尾									廃車						1613	MBM	AT			CNG	
NF-23	KL-MP37JM改	H18 1				新製						中川									鳴尾									廃車						1614	MBM	AT			CNG	
NF-24	KL-MP37JM改	H18 1				新製					中川									鳴尾										廃車						1615	MBM	AT			CNG	
NF-25	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製										浄心								鳴尾							浄心				2399	MBM	MT	○			三英傑バス(H24.8～)
NF-26	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製																		浄心											2400	MBM	MT	○			
NF-27	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製																		浄心											2419	MBM	MT	○			
NF-28	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製																		浄心											2420	MBM	MT	○			
NF-29	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製																		浄心											2444	MBM	MT	○			
NF-30	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製																		浄心											2445	MBM	MT	○			
NF-31	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製																		緑											2411	MBM	MT	○			
NF-32	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製																		緑											2412	MBM	MT	○			
NF-33	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製																		緑											2436	MBM	MT	○			
NF-34	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製																		緑											2437	MBM	MT	○			
NF-35	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製																		緑											2456	MBM	MT	○			
NF-36	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製																		緑											2457	MBM	MT	○			
NF-37	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製																		緑											2471	MBM	MT	○			
NF-38	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製																		緑											2472	MBM	MT	○			
NF-39	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製										野並										稲西									2413	MBM	MT	○			
NF-50	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製										野並										稲西									2414	MBM	MT	○			
NF-51	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製										野並										稲西									2438	MBM	MT	○			
NF-52	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製										野並				稲西									楠						2439	MBM	MT	○			
NF-53	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製										野並				稲西									楠						2458	MBM	MT	○			
NF-54	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製										野並				稲西									楠						2459	MBM	MT	○			
NF-55	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製										野並				稲西									楠						2473	MBM	MT	○			
NF-56	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製																		如意											2405	MBM	MT	○			
NF-57	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製										如意													楠						2406	MBM	MT	○			
NF-58	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製										如意													楠						2432	MBM	MT	○			
NF-59	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製										如意													楠						2433	MBM	MT	○			
NF-60	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製										如意													楠						2454	MBM	MT	○			
NF-61	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製																		如意											2455	MBM	MT	○			
NF-62	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製																		如意											2467	MBM	MT	○			
NF-63	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製																		如意											2468	MBM	MT	○			
NF-64	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製																		猪高											2415	MBM	MT	○			
NF-65	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製																		猪高											2416	MBM	MT	○			
NF-66	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製																		猪高											2440	MBM	MT	○			
NF-67	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製																		猪高											2441	MBM	MT	○			
NF-68	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製																		猪高											2460	MBM	MT	○			
NF-69	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製																		猪高											2461	MBM	MT	○			
NF-70	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製																		猪高											2475	MBM	MT	○			
NF-71	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製																		猪高											2476	MBM	MT	○			
NF-72	PKG-MP35UM改	H21 2-3					新製																		中川											2407	MBM	MT	○			

局番	車台形式	購入年月	配置営業所 H14.4	H15.3	H15.12	H16.4	H16.10	H17.1	H17.10	H18.1	H18.12	H19.12	H20.4	H20.12	H22.1	H22.4	H22.12	H23.3	H23.5	H24.3	H24.8	H25.3	H25.12	H26.4	H26.12	H27.4	H28.4	H28.8	H29.4	H30.1	H30.3	H31.3	R2.4	R3.4	R4.4	登録番号	車体	MT/AT	ISS	ABS	低公害	備考
NF-73	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											中川																						2408	MBM	MT	○			
NF-74	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											中川																						2421	MBM	MT	○			
NF-75	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											中川																						2422	MBM	MT	○			
NF-76	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											中川																						2446	MBM	MT	○			
NF-77	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											中川																						2447	MBM	MT	○			
NF-78	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											中川																						2462	MBM	MT	○			
NF-79	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											中川																						2463	MBM	MT	○			
NF-80	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											中川																						2474	MBM	MT	○			
NF-81	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											鳴尾							中川															2409	MBM	MT	○			
NF-82	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											鳴尾							中川															2410	MBM	MT	○			
NF-83	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											鳴尾							中川															2434	MBM	MT	○			
NF-84	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											鳴尾							中川															2435	MBM	MT	○			
NF-85	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											御器所																						2417	MBM	MT	○			
NF-86	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											御器所																						2418	MBM	MT	○			
NF-87	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											御器所																						2443	MBM	MT	○			
NF-88	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											大森																						2403	MBM	MT	○			
NF-89	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											大森																						2404	MBM	MT	○			
NF-90	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											大森																						2430	MBM	MT	○			
NF-91	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											大森																						2431	MBM	MT	○			
NF-92	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											大森																						2452	MBM	MT	○			
NF-93	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											大森																						2453	MBM	MT	○			
NF-94	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											大森																						2469	MBM	MT	○			
NF-95	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											大森																						2470	MBM	MT	○			
NF-96	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											大森																						2479	MBM	MT	○			
NF-97	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											大森																						2480	MBM	MT	○			
NF-98	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											稲西									浄心													2401	MBM	MT	○			
NF-99	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											稲西									浄心													2402	MBM	MT	○			
NF-100	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											稲西																						2428	MBM	MT	○			
NF-101	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											稲西																						2429	MBM	MT	○			
NF-102	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											稲西																						2450	MBM	MT	○			
NF-103	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											稲西																						2451	MBM	MT	○			
NF-104	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											稲西																						2464	MBM	MT	○			
NF-105	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											稲西																						2465	MBM	MT	○			
NF-106	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											稲西																						2477	MBM	MT	○			
NF-107	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製											稲西																						2478	MBM	MT	○			

NMF 三菱ふそう中型ノンステップバス

局番	車台形式	購入年月	配置営業所 H14.4	H15.3	H15.12	H16.4	H16.10	H17.1	H17.10	H18.1	H18.12	H19.12	H20.4	H20.12	H22.1	H22.4	H22.12	H23.3	H23.5	H24.3	H24.8	H25.3	H25.12	H26.4	H26.12	H27.4	H28.4	H28.8	H29.4	H30.1	H30.3	H31.3	R2.4	R3.4	R4.4	登録番号	車体	MT/AT	ISS	ABS	低公害	備考
NMF-1	KK-MJ27HL	H15 3	新製		大森														稲西														廃車			803	MBM	AT	○			お絵かきバス(H28.10)
NMF-2	KK-MJ27HL	H15 3	新製																大森														廃車			804	MBM	AT	○			
NMF-3	KK-MJ27HL	H15 3	新製																猪高														廃車			805	MBM	AT	○			
NMF-4	KK-MJ27HL	H15 3	新製																猪高														廃車			806	MBM	AT	○			
NMF-5	KK-MJ27HL	H15 3	新製		野並														中川														廃車			807	MBM	AT	○			
NMF-6	KK-MJ27HL	H15 3	新製		野並														中川														廃車			808	MBM	AT	○			
NMF-7	KK-MJ27HL	H15 3	新製		緑		鳴尾				緑												鳴尾										廃車			809	MBM	AT	○			H20.12から鳴尾貸出し
NMF-8	KK-MJ27HL	H15 3	新製								緑																大森						廃車			810	MBM	AT	○			
NMF-9	KK-MJ27HL	H15 3	新製	港															稲西														廃車			811	MBM	AT	○			
NMF-10	KK-MJ27HL	H15 3	新製	港															稲西														廃車			812	MBM	AT	○			
NMF-11	KK-MJ27HL	H15 3	新製	浄心		野並													中川															※廃車		813	MBM	AT	○			※R3.5廃車
NMF-12	KK-MJ27HL	H15 3	新製		浄心														御器所															※廃車		814	MBM	AT	○		お絵かきバス(H24.10)、※R3.5廃車	
NMF-13	KK-MJ27HL	H15 3	新製	如意															猪高														廃車			815	MBM	AT	○			
NMF-14	KK-MJ27HL	H15 3	新製																鳴尾														廃車			816	MBM	AT	○			お絵かきバス(R1.10)
NMF-15	KK-MJ27HL	H15 3	新製																鳴尾														廃車			817	MBM	AT	○			
NMF-16	KK-MJ27HL	H15 3	新製																鳴尾														廃車			818	MBM	AT	○			↓カーテンレス↓
NMF-17	KK-MJ27HL	H15 3	新製																稲西														廃車			819	MBM	AT	○			
NMF-18	KK-MJ27HL	H15 3	新製	那古野															猪高														廃車			820	MBM	AT	○			お絵かきバス(H25.5)
NMF-19	KK-MJ27HL	H15 3	新製	如意															猪高														廃車			821	MBM	AT	○			
NMF-20	KK-MJ27HL	H15 3	新製	港															猪高														廃車			822	MBM	AT	○			
NMF-21	KK-MJ27HL	H15 3	新製	浄心															中川														廃車			823	MBM	AT	○			
NMF-22	KK-MJ27HL	H15 3	新製																中川														廃車			824	MBM	AT	○			
NMF-23	KK-MJ27HL	H15 3	新製																御器所															※廃車		825	MBM	AT	○			※R3.5廃車
NMF-24	KK-MJ27HL	H15 3	新製		猪高														中川														廃車			826	MBM	AT	○			
NMF-25	KK-MJ27HL	H15 3	新製																野並														廃車			827	MBM	AT	○			
NMF-26	KK-MJ27HL	H15 3	新製						野並															御器所										※廃車	828	MBM	AT	○		お絵かきバス(H27.10)、※R3.5廃車	

局番	車台形式	購入年月	配置営業所 H14.4	H15.3	H15.12	H16.4	H16.10	H17.1	H17.10	H18.1	H18.12	H19.12	H20.4	H20.12	H22.1	H22.4	H22.12	H23.3	H23.5	H24.3	H24.8	H25.3	H25.12	H26.4	H26.12	H27.4	H28.4	H28.8	H29.4	H30.1	H30.3	H31.3	R2.4	R3.4	R4.4	登録番号	車体	MT/AT	ISS	ABS	低公害	備考
NMF-27	KK-MJ27HL	H15 3	新製	緑																														廃車		829	MBM	AT	○			
NMF-28	KK-MJ27HL	H15 3	新製	緑																														廃車		830	MBM	AT	○			
NMF-29	KK-MJ27HL	H15 3	新製	大森			稲西																											廃車		831	MBM	AT	○			
NMF-30	KK-MJ27HL	H15 3	新製	大森			稲西																											廃車		832	MBM	AT	○			

NSF 三菱ふそう小型ノンステップバス

局番	車台形式	購入年月	配置営業所 H14.4	H15.3	H15.12	H16.4	H16.10	H17.1	H17.10	H18.1	H18.12	H19.12	H20.4	H20.12	H22.1	H22.4	H22.12	H23.3	H23.5	H24.3	H24.8	H25.3	H25.12	H26.4	H26.12	H27.4	H28.4	H28.8	H29.4	H30.1	H30.3	H31.3	R2.4	R3.4	R4.4	登録番号	車体	MT/AT	ISS	ABS	低公害	備考
NSF-1	KK-MJ27HF	H15 11	新製	御器所																														廃車		952	MBM	AT	○			お絵かきバス(H29.2)
NSF-2	KK-MJ27HF	H15 11	新製	御器所																														廃車		953	MBM	AT	○			
NSF-3	KK-MJ27HF	H15 11	新製	御器所														野並																廃車		954	MBM	AT	○			
NSF-4	KK-MJ27HF	H15 11	新製	御器所			猪高											野並																廃車		955	MBM	AT	○			
NSF-5	KK-MJ27HF	H15 11	新製	御器所			猪高																											廃車		956	MBM	AT	○			
NSF-6	KK-MJ27HF	H15 11	新製	御器所			野並									御器所		野並																廃車		957	MBM	AT	○			
NSF-7	KK-MJ27HF	H15 11	新製	御器所			野並									御器所		野並								大森								廃車		958	MBM	AT	○			
NSF-8	KK-MJ27HF	H15 11	新製	中川																												港明		廃車		959	MBM	AT	○			
NSF-9	KK-MJ27HF	H15 11	新製	大森																														廃車		960	MBM	AT	○			
NSF-10	KK-MJ27HF	H15 11	新製	大森																														廃車		961	MBM	AT	○			
NSF-11	KK-MJ27HF	H15 11	新製	大森			猪高																											廃車		962	MBM	AT	○			
NSF-12	KK-MJ27HF	H15 11	新製	大森			猪高																											廃車		963	MBM	AT	○			
NSF-13	KK-MJ27HF	H15 11	新製	猪高																														廃車		964	MBM	AT	○			
NSF-14	KK-MJ27HF	H15 11	新製	猪高																														廃車		965	MBM	AT	○			
NSF-15	KK-MJ27HF	H15 11	新製	猪高																														廃車		966	MBM	AT	○			
NSF-16	KK-MJ27HF	H15 11	新製	猪高																														廃車		967	MBM	AT	○			R2年12月先行廃車→健福局譲渡
NSF-17	KK-MJ27HF	H15 11	新製	鳴尾																														廃車		968	MBM	AT	○			
NSF-18	KK-MJ27HF	H15 11	新製	鳴尾																														廃車		969	MBM	AT	○			R2年12月先行廃車→健福局譲渡
NSF-19	KK-MJ27HF	H15 11	新製	稲西																														廃車		970	MBM	AT	○			
NSF-20	KK-MJ27HF	H15 11	新製	稲西																														廃車		971	MBM	AT	○			
NSF-21	KK-MJ27HF	H15 11	新製	稲西																														廃車		972	MBM	AT	○			
NSF-22	KK-MJ27HF	H15 11	新製	如意																														廃車		973	MBM	AT	○			
NSF-23	KK-MJ27HF	H15 11	新製	如意																							楠							廃車		974	MBM	AT	○			
NSF-24	KK-MJ27HF	H15 11	新製	如意																														廃車		975	MBM	AT	○			
NSF-25	KK-MJ27HF	H15 11	新製	如意																														廃車		976	MBM	AT	○			
NSF-26	KK-MJ27HF	H15 11	新製	港			中川																											廃車		977	MBM	AT	○			
NSF-27	KK-MJ27HF	H15 11	新製	港			中川																											廃車		978	MBM	AT	○			
NSF-28	KK-MJ27HF	H15 11	新製	港			中川																											廃車		979	MBM	AT	○			
NSF-29	KK-MJ27HF	H15 11	新製	港			鳴尾																											廃車		980	MBM	AT	○			
NSF-30	KK-MJ27HF	H15 11	新製	港			野並									御器所			如意								楠							廃車		981	MBM	AT	○			